TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2022.
V/v tranh chấp: *"Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 400/2020/TLST-HGNĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đoàn Kim C**, sinh năm: 1978. (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 839/12A đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Trần Chí T**, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Ấp Gò Đất, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 839/12A đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Đoàn Kim C trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà C và ông Trần Chí T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/4/2003.

Lý do xin ly hôn: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ giữa năm 2016 đến nay, giữa bà C và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà C và ông T đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thành và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay thấy rằng đời sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà C xác nhận giữa bà và ông T quá trình chung sống có 02 người con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 21/02/2004 và Trần Phúc K2, sinh ngày 15/5/2006, hiện đang sống cùng với bà C. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và xác định đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác nhận giữa bà và ông T không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Kim C vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến xác nhận vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày như trên.

** Tại Bản tự khai không đề ngày tháng của năm 2020, bị đơn ông Trần Chí T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông T xác nhận nội dung trình bày về vấn đề kết hôn và mâu thuẫn trong hôn nhân như trong đơn khởi kiện bà C đã nêu là đúng, và xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên, ông T không đồng ý ly hôn với bà C, và cũng không có yêu cầu đoàn tụ, hàn gắn cùng bà C.

- Về con chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà C quá trình chung sống có 02 người con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 21/02/2004 và Trần Phúc K2, sinh ngày 15/5/2006. Ông T không đồng ý giao 02 người con chung cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Chí T vắng mặt.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Kim C, chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông Trần Chí T và giao con chung tên Trần Phúc K2, sinh ngày 15/5/2006 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 21/02/2004, hiện nay đã đủ 18 tuổi và đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Đoàn Kim C khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Chí T có chỗ ở hiện nay ở số 839/12A đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Trần Chí T đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đồng thời nguyên đơn bà Đoàn Kim C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bà Đoàn Kim C và ông Trần Chí T.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đoàn Kim C và ông Trần Chí T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/4/2003, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà C khởi kiện xin ly hôn với ông T và đưa ra những lý do chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án, bà C xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Chí T có mặt và nộp Bản tự khai không đề ngày tháng của năm 2020 và có ý kiến xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà C có nhiều mâu thuẫn, nhiều lần hàn gắn nhưng không được, tình cảm vợ chồng không còn, nhưng ông T vẫn không đồng ý ly hôn với bà C. Tuy nhiên, ông T không đưa ra được lý do và chứng cứ chứng minh cho ý kiến không đồng ý ly hôn của mình. Đồng thời, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, điều đó thể hiện việc ông T không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà C.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn với ông Trần Chí T của bà Đoàn Kim C.

[4] *Về con chung:* Bà Đoàn Kim C và ông Trần Chí T đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống giữa ông bà có 02 người con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 21/02/2004 và Trần Phúc K2, sinh ngày 15/5/2006, hiện đang sống cùng với bà C. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và xác định đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung tên Trần Anh K hiện nay đã đủ 18 tuổi và đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên Tòa án không xem xét giải quyết. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung Trần Phúc K2 có nguyện vọng được sống cùng với bà C khi bà C và ông T ly hôn.

Ông T có ý kiến không đồng ý giao con chung cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng không đưa ra được lý do và chứng cứ chứng minh cho việc không đồng ý của mình, đồng thời ông T cũng không có ý kiến cụ thể về việc giải quyết quyền và nghĩa vụ nuôi con chung khi không đồng ý giao con chung cho bà C nuôi dưỡng.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung tên Trần Phúc K2 của bà Đoàn Kim C và ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc không yêu cầu ông Trần Chí T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung*: Bà Đoàn Kim C và ông Trần Chí T đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Bà Đoàn Kim C và ông Trần Chí T đều thống nhất xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Đoàn Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đoàn Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Kim C được ly hôn với ông Trần Chí T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Phúc K2, sinh ngày 15/5/2006 cho bà Đoàn Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc không yêu cầu ông Trần Chí T cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, nếu bà C gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trường hợp bà C không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, ông T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông T thực hiện các quyền này. Trường hợp, ông T lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì bà C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Kim C và ông Trần Chí T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Đoàn Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002400 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bà Đoàn Kim C đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*** <u>Nơi nhận</u>:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh